**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO   
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP**

**(Phần ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)**

*(Kèm theo Báo cáo số: 155/BC-BTTTT ngày 07/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

| **STT** | **Ý kiến góp ý** | **Ý kiến Bộ TTTT** |
| --- | --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP | | |
| 1 | Khoản 2 Điều 64 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sác nhà nước quy định: Trong quá trình thực hiện các nội dung của Nghị định ngày, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền. Do đó, đề nghị Quý Bộ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát đánh giá, tổng kết toàn diện 04 năm triển khai thi hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; xác định đầy đủ, chính xác các tồn tại, hạn chế (do quy định pháp luật, do tổ chức thi hành pháp luật hay cả hai); để từ đó có các đề xuất, kiến nghị hợp lý, khả thi, đúng quy định (và chịu trách nhiệm về vấn đề này) nhằm hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. | Tiếp thu ý kiến.  Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Văn bản số 2351/BTTTT-CĐSQG ngày 20/6/2023 gửi các cơ quan Trung ương, các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, hiệp hội công nghệ thông tin về việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Đến nay (ngày 30/11/2023), Bộ TT&TT đã nhận được ý kiến của: 02 cơ quan Đảng; 15 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 46 địa phương; 04 tổ chức chính trị - xã hội; 02 doanh nghiệp; 01 hội, hiệp hội.  Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Báo cáo trình Chính phủ về việc tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. |
| 2 | Về một số tồn tại, hạn chế từ quá trình thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Bộ Tư pháp |  |
| 2.1 | Về vấn đề 13 (trag 10-11 dự thảo Báo cáo): đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: Khi áp dụng gói thầu dịch vụ tư vấn thiếu các quy định liên quan đến bảo hành sản phẩm dự án là phần mềm nội bộ | Tiếp thu, đã bổ sung |
| 2.2 | Đề nghị bổ sung 02 vấn đề mới:  a) Vấn đề 14: Chưa có quy định về sự tham gia của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do Bộ, cơ quan trung ương quản lý.  b) Vấn đề 15: Bàn giao sản phẩm của dự án từ đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin cho đơn vị quản lý, sử dụng sản phẩm. Cụ thể, tại Điều 8 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định đơn vị quản lý, sử dụng sản phẩm của dự án hoặc đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin làm chủ đầu tư và Điều 35 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP có quy định cụ thể về sản phẩm của dự án giữa nhà thầu và chủ đầu tư. Tuy nhiên, trong trường hợp chủ đầu tư là đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về việc tiếp tục bàn giao sản phẩm của dự án từ đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin cho đơn vị quản lý, sử dụng sản phầm. | Bảo lưu. Bộ TT&TT giải trình ý kiến:  - Về vấn đề 14:  Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công.  Tại khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư công quy định người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.  Theo các quy định trên không có quy định cụ thể sự tham gia của đơn vị chuyên trách về CNTT trong quá trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có thể là đơn vị chuyên trách về CNTT hoặc trường hợp không là đơn vị chuyên trách về CNTT thì đơn vị có chức năng thẩm định có thể phối hợp lấy ý kiến của đơn vị chuyên trách về CNTT đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, công nghệ trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.  Như vậy, đây không phải là **vấn đề lớn gây vướng mắc** trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ứng dụng CNTT theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.  - Về vấn đề 15:  Việc bàn giao tài sản hình thành từ dự án đầu tư công nói chung và dự án đầu tư CNTT nói riêng đã được quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công, đây không phải là **vấn đề vướng mắc** trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ứng dụng CNTT theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và không thuộc nội dung quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. |
| 3 | Về các đề xuất, kiến nghị, bên cạnh nội dung nêu tại Mục 1 Công văn này, đề nghị Quý Bộ tiếp tục phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu ...), Bộ Tài chính (Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ...) tiếp tục rà soát các bất cập, vướng mắc của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP với pháp luật liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định này cho phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất và nhằm giải quyền các vướng mắc, khó khăn trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ (như: việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin...) | Tiếp thu. |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | | |
| **I** | **Các nhóm vấn đề thuộc phạm vi quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP** |  |
| 1 | Về xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (vấn đề 1)  Tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định tổng mức đầu tư của dự án công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm chi phí xây lắp, chi phí thiết bị CNTT, nhưng không có thiết bị như hệ thống làm mát, hệ thống điện ... làm ảnh hưởng đến tính đồng bộ khi triển khai dự án CNTT có hạng mục trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin. Đề nghị Bộ TTTT khi nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP lưu ý nội dung này. | Tiếp thu.  Bộ TT&TT lưu ý nội dung này khi sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. |
| 2 | Các nhóm vấn đề liên quan đến các văn bản hướng dẫn Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (vấn đề 11):  - Đề nghị bổ sung hướng dẫn xác định định mức khi lập dự toán chi phí cho các dịch vụ quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin.  - Đề nghị thay thế một số hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ do các văn bản số 2589/BTTTT-ƯDCNTT ngày 24/8/2011, 3787/BTTT-THH ngày 26/12/2014 căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP đã hết hiệu lực. | Tiếp thu.  Nội dung này được Bộ TT&TT nghiên cứu, xem xét ban hành tại các văn bản dưới Nghị định, không phải là nội dung cần sửa trong Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Cụ thể:  - Về hướng dẫn xác định định mức khi lập dự toán chi phí cho các dịch vụ quản lý vận hành, thuê quản trị: Dự toán các chi phí này thuộc tổng mức đầu tư, dự toán dự án đã được Bộ TT&TT hướng dẫn các phương pháp xác định tại Thông tư 04/2020/TT-BTTTT.  Ngoài ra, Bộ TT&TT cũng đã có kế hoạch xây dựng định mức quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp hệ thống công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Trong thời gian chưa ban hành định mức, cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT nêu trên.  - Về văn bản hướng dẫn xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ: Bộ TT&TT đã ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng CNTT, trong đó có hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí phần mềm nội bộ, kiểm thử phần mềm nội bộ và quy định Bộ TT&TT hướng dẫn xác định chi phí trực tiếp xây dựng, phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ; chi phí trực tiếp kiểm thử hoặc vận hành thử. Theo đó, Bộ TTTT đang nghiên cứu, hoàn thiện để ban hành các hướng dẫn chi phí trực tiếp này (văn bản này sẽ thay thế Công văn số 2589/BTTTT-ƯDCNTT ngày 24/8/2011, 3787/BTTT-THH ngày 26/12/2014). |
| 3 | Về lựa chọn nhà thầu gói thầu mua phần mềm (vấn đề 13) |  |
|  | Tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin bao gồm phần mềm thương mại, phần mềm nội bộ. Tuy nhiên, tại khoản 8, khoản 25 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013 quy định về dịch vụ tư vấn, hàng hóa. Theo đó, chủ đầu tư, bên mời thầu cần phải căn cứ vào tính chất của gói thầu để xác định được gói thầu mua sắm phần mềm thuộc loại gói thầu nào. Trường hợp phần mềm không có sẵn trên thị trường, cần phải thuê các chuyên gia lập trình để xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng theo yêu cầu riêng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì gói thầu này được coi là gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013 nêu trên. Trường hợp phần mềm đã có sẵn trên thị trường thì việc mua phần mềm này được coi là gói thầu mua sắm hàng hóa theo quy định tại khoản 25 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013 nêu trên. Trên cơ sở đó, tương ứng với từng loại gói thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu áp dụng mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.  Do đó, đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu chỉnh sửa khoản 2 Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP để phù hợp với quy định pháp luật đấu thầu; việc ban hành mẫu hồ sơ mời thầu riêng dành cho phần mềm nội bộ theo như đề xuất của Bộ TTTT tại dự thảo Báo cáo là không cần thiết, nên đề nghị bỏ nội dung này trong Dự thảo Báo cáo. | Bảo lưu. Lý do:  Khoản 8, khoản 25 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013 quy định giải thích từ ngữ “**dịch vụ tư vấn**” và “**hàng hóa**”, tương ứng là khoản 4, khoản 17 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2023 đều không quy định về tính chất thế nào là dịch vụ tư vấn, thế nào là hàng hóa.  Hiện tại, chỉ có quy định duy nhất tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP là phần mềm nội bộ thuộc thành phần thiết bị (tức là hàng hóa).  Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng có ý kiến bổ sung (Văn bản số 5643/BTP-PLDSKT ngày 20/11/2023) là khi (trường hợp) áp dụng gói thầu dịch vụ tư vấn cho phần mềm nội bộ thì sẽ thiếu các quy định liên quan đến bảo hành sản phẩm dự án là phần mềm nội bộ.  Như vậy, việc tổ chức đấu thầu mua sắm phần mềm nội bộ theo hình thức gói thầu dịch vụ tư vấn là không phù hợp. |
| 4 | Các nội dung khác |  |
|  | Tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên sau đây, thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm hàng hóa đối với hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm; quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin. Tuy nhiên, tại khoản 12 Điều 4 Luật Đấu thầu quy định 04 loại hình để tổ chức lựa chọn nhà thầu: dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp. Theo đó, tại khoản 8, khoản 9 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013 quy định về dịch vụ tư vấn (dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin), dịch vụ phi tư vấn (hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm). Đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp theo quy định pháp luật về đấu thầu. Ngoài ra, đề nghị Bộ TTTT báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc khi các bộ, cơ quan trung ương thực hiện Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. | 1. Về đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp theo quy định pháp luật về đấu thầu đối với các hoạt động dịch vụ tư vấn (dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin), dịch vụ phi tư vấn (hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm):  Bảo lưu. Lý do: Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định một số hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị. Cụ thể quy định hiện hành là Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 và Thông tư 68/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong đó phạm vi điều chỉnh bao gồm cả mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ tư vấn và các dịch vụ công nghệ thông tin.  2. Về đề nghị Bộ TTTT báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc khi các bộ, cơ quan trung ương thực hiện Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:  Tiếp thu. Bộ TTTT đã có nhóm vấn đề 4 – mức kinh phí lập đề cương và dự toán chi tiết tại dự thảo Báo cáo.  Đối với những vướng mắc liên quan đến Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT hướng dẫn về lập đề cương và dự toán chi tiết, Bộ TTTT cũng đã có nhóm vấn đề 11. |
|  | Tại khoản 1 Điều 92 Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư quy định các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý, hướng dẫn đầu tư theo phương thức PPP trong lĩnh vực, phạm vi quản lý. Do đó, đề nghị bổ sung trong dự thảo Báo cáo việc Bộ TT&TT hướng dẫn về hình thức thực hiện và về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đầu tư theo phương thức đối tác công tư. | Bảo lưu. Lý do:  Nội dung này không thuộc phạm vi quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Bộ TT&TT cũng đang tổ chức nghiên cứu, xem xét, đề xuất quy định hướng dẫn đầu tư theo phương thức PPP trong lĩnh vực, phạm vi quản lý của Bộ. |
|  | Về xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho chuyển đổi số:  Tại Thông báo số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TTTT chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 73/2019/NĐ-CP trong đó có cơ chế, chính sách mới về đầu tư, về thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho chuyển đổi số. Bên cạnh đó, tại Khoản 2 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 quy định Chính phủ quy định chi tiết về nội dung giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do vậy, liên quan đến việc xây dựng giá gói thầu cho các sản phẩm chuyển đổi số, công nghệ thông tin có tính chất đặc thù, đề nghị bổ sung trong Dự thảo Báo cáo về việc: giao Bộ TTTT hướng dẫn chi tiết về cách lập, xác định giá gói thầu đối với sản phẩm công nghệ thông tin có tính đặc thù (như sản phẩm công nghệ mới xuất hiện trên thị trường, chưa có định mức, đơn giá, chưa có hướng dẫn về phương pháp lập dự toán, sản phẩm có ít nhà cung cấp trên thị trường)  Ngoài ra, Bộ KHĐT có công văn số 7043/BKHĐT-QLĐT ngày 12/8/2023 gửi các bộ, ngành, địa phương lấy ý kiến về dự thảo Nghị định này quy định ưu đãi doanh nghiệp sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trong đó quy định về tiêu chí đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị bổ sung dự thảo Báo cáo về việc: giao Bộ TTTT hướng dẫn về cách xác định tiêu chí ưu đãi đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin sản xuất trong nước. | Bảo lưu. Lý do:  Liên quan đến nội dung quy định về đấu thầu (cách lập, giá gói thầu) cho các sản phẩm CNTT, tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2023 (Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 07/11/2023), Chính phủ đã giao *”Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu, trong đó quy định rõ việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất đặc thù; quy định cụ thể về tiêu chí xác định sản phẩm công nghệ thông tin sản xuất trong nước, sản phẩm công nghệ thông tin có tính chất đặc thù”.*  Do đó, đây là vấn đề thuộc phạm vi quy định của pháp luật đấu thầu và Bộ KHĐT đang được giao chủ trì xử lý tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Đấu thầu năm 2023. |
| **II** | **Các nhóm vấn đề không thuộc phạm vi quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP** |  |
| 1 | Về thủ tục để phân bổ vốn đầu tư công |  |
|  | Bộ Thông tin và Truyền thông cho rằng theo quy định của Luật Đầu tư công, thời gian từ khi chuẩn bị đầu tư dự án cho đến khi cấp vốn triển khai thường mất tối thiểu 1-2 năm để thực hiện các thủ tục, bao gồm 06 bước. Tuy nhiên, quy trình thủ tục phân bổ vốn đầu tư công thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công (ngoại trừ dự án khẩn cấp không phải phê duyệt chủ trương đâu tư) nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, khả năng cân đối nguồn lực cho các dự án đầu tư công. Theo quy định khoản 5 Điều 61 Luật Đầu tư công, việc bố trí vốn cho các dự án CNTT để hoàn thành theo tiến độ được phê duyệt thuộc thẩm quyền của các bộ ngành và địa phương.  Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 5543/BKHĐT-PTHTĐT ngày 13/7/2023 gửi các Bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân các dự án thuộc lĩnh vực CNTT. Sau khi tổng hợp, các bộ ngành, địa phương (25 bộ ngành, 47 địa phương) cơ bản không có vướng mắc đối với các thủ tục phân bổ vốn đầu tư công cho dự án CNTT, khó khăn vướng mắc tập trung chính ở quá trình triển khai thực hiện các thủ tục lập phê duyệt dự án CNTT, cụ thể như sau: | Tiếp thu. Đã bỏ vấn đề này. |
|  | - Thiếu các quy định pháp luật, hành lang pháp lý cho phát triển Chính phủ số, chính quyền số. | Theo thống kê sơ bộ của Bộ TT&TT, giai đoạn từ năm 2020 đến nay đã có: 01 Luật của Quốc hội, 15 Nghị định của Chính phủ, 02 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 02 Công điện của Thủ tướng Chính phủ, 07 Nghị quyết của Chính phủ, 25 Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ, 54 Thông tư của Bộ trưởng các Bộ, ngành đã được ban hành phục vụ cho triển khai chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số.  Như vậy, hành lang pháp lý cho cho phát triển Chính phủ số, chính quyền số đã ngày càng được chú trọng, hoàn thiện. |
|  | - Chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định việc tính chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm để áp dụng khi giải ngân các dự án CNTT. Hiện các bộ ngành, địa phương vẫn áp dụng văn bản số 2589/BTTTT-ƯDCNTT ngày 24/8/2011 là văn bản hướng dẫn đã ban hành 12 năm mà chưa có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. | Bảo lưu.  Bộ TT&TT đã ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT, trong đó có quy định hướng dẫn chi tiết các phương pháp xác định chi phí phần mềm nội bộ, bao gồm cả phương pháp tính chi phí (phụ lục 1 và phụ lục 2). |
|  | - Chưa có hướng dẫn về định mức thuê dịch vụ CNTT, định mức duy trì vận hành hệ thống CNTT; đặc biệt các định mức, đơn giá về hệ thống ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), ảo hóa, dữ liệu lớn (Bigdata) gây khó khăn cho việc xây dựng, thẩm định dự toán. | Bảo lưu ý kiến về thuê dịch vụ CNTT. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin không có quy định về định mức thuê.  Tiếp thu ý kiến về duy trì vận hành hệ thống CNTT. Bộ TTTT đã có kế hoạch xây dựng định mức duy trì, vận hành các hệ thống thông tin. Đồng thời, Bộ TTTT cũng đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề bố trí kinh phí duy trì, vận hành các hệ thống thông tin sau đầu tư (tờ trình số 49/TTr-BTTTT ngày 26/7/2023) |
|  | - Đối với các sản phẩm, dịch vụ CNTT đã qua 01 hoặc 02 giai đoạn thuê dịch vụ và cung cấp cho nhiều tỉnh, thành phố, địa phương thì chưa có phương pháp tính toán giá trị để giảm giá sản phẩm, dịch vụ hoặc quy định chuyển thành các phần mềm thương mại nhằm giảm chi phí cho NSNN. | Tiếp thu. Bộ TT&TT đang nghiên cứu và giải quyết tại văn bản hướng dẫn tính chi phí trực tiếp xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ. |
|  | - Dự án sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên còn thiếu các văn bản quy định, hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai, nghiệm thu, quyết toán dự án. | Tiếp thu. Bộ TT&TT lưu ý trong quá trình sửa đổi Nghị định 73/2019/NĐ-CP để quy định rõ về lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai, nghiệm thu, quyết toán dự án sử dụng vốn chi thường xuyên. |
|  | - Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định đơn vị chuyên môn về CNTT trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, không có nội dung thẩm định tổng mức đầu tư dự án. Tuy nhiên, theo quy định thiết kế cơ sở là căn cứ để xác định khối lượng dự toán, là căn cứ để xác định tổng mức đầu tư dự án đã gây khó khăn trong công tác thẩm định dự án CNTT, chưa gắn trách nhiệm của đơn vị chuyên môn về CNT trong việc thẩm định tổng mức đầu tư dự án CNTT.  Do đó, việc Bộ TTTT đề xuất cần có văn bản cấp Luật quy định cơ chế đặc thù cho dự án CNTT bảo đảm rút ngắn được quy trình, thời gian để phù hợp với vòng đời công nghệ là chưa thuyết phục. Trường hợp cần thiết, đề nghị Bộ TTTT cần phân tích, làm rõ tính đặc thù, sự cần thiết phải quy định cơ chế đặc thù đối với các dự án CNTT khác so với các dự án đầu tư công thuộc các ngành lĩnh vực khác trên cơ sở đó đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; phối hợp, làm việc với các bộ ngành, địa phương rà soát, đánh giá tổng thể những khó khăn, vướng mắc khi triển khai các nhiệm vụ, dự án CNTT. | Tiếp thu. Bộ TT&TT lưu ý trong quá trình sửa đổi Nghị định 73/2019/NĐ-CP để quy định rõ về thẩm quyền thẩm định tổng mức đầu tư dự án CNTT. |
| 2 | Về bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ ứng dụng CNTT thực hiện kéo dài trong nhiều năm (vấn đề 2)  Khoản 3 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2024) quy định đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Quy định này được áp dụng đối với tất cả gói thầu thuộc dự toán mua sắm có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, bao gồm cả các gói thầu về công nghệ thông tin. Do đó, đề nghị bỏ nội dung đề xuất: Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp lựa chọn nhà thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm trong dự thảo Báo cáo. | Tiếp thu. Đã bỏ vấn đề này. |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | | |
|  | Ngày 31/7/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 8055/BTC-THTK gửi Bộ TTTT về việc đánh giá thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Trên cơ sở đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Báo cáo đánh giá tại Công văn số 3461/BTTTT-CĐSQG ngày 23/8/2023 của Bộ TTTT, Bộ Tài chính đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu các ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia tại công văn số 8055/BTC-THTK ngày 31/7/2023. Ngoài ra, Bộ Tài chính có thêm các ý kiến sau: | Tiếp thu. Bộ TTTT đã nghiên cứu, tổng hợp vấn đề vướng mắc lớn liên quan đến Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. |
| 1 | Tại điểm 3 Mục II Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư, bao gồm: Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở, phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; không quy định phí thẩm định đề cương và dự toán chi tiết, thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.  - Tài Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ: *Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý*.  Căn cứ quy định nêu trên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (thay thế cho Thông tư số 210/2016/TT-BTC); Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (thay thế cho Thông tư số 209/2016/TT-BTC). | Bảo lưu. Các quy định tại Luật phí, lệ phí và các Thông tư của Bộ Tài chính chỉ áp dụng cho đối tượng áp dụng là các dự án đầu tư trong lĩnh vực xây dựng. Do đó, các dự án trong lĩnh vực CNTT chưa có quy định trong danh mục phí, lệ phí của Luật phí, lệ phí nên chưa có cơ sở cho các đơn vị thẩm định thu các loại phí này. |
| 2 | Theo quy định của Luật Phí và lệ phí: Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được Nhà nước cung cấp dịch vụ công.  Theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP thì: Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên nhằm mua sắm hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin (mua sắm các thiết bị phần cứng, phần mềm, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng...) để duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị; đơn vị thẩm định dự án là đơn vị chuyên môn trực thuộc người có thẩm quyền quyết định đầu tư.  Như vậy, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP không quy định đơn vị chuyên môn thẩm định dự án của tổ chức, cá nhân khác quyết định đầu tư (không cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân).  Theo đó, tại vấn đề 2 mục II.2 dự thảo Báo cáo, đề nghị không đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. | Bảo lưu. Chi tiết vấn đề này, Bộ TT&TT sẽ có tổng hợp, phân tích kỹ thêm trong quá trình đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật phí, lệ phí. |
| 3 | Vấn đề 3: Phương án đề xuất: Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính mới về thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Đề nghị bỏ phương án đề xuất nêu trên, do:  - Theo Điều 42 Luật NSNN quy định về yêu cầu lập dự toán NSNN hằng năm: “Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.”  Luật NSNN không quy định chỉ phê duyệt nhiệm vụ thực hiện trong 1 năm. Thực tế nhiều nhiệm vụ sử dụng chi thường xuyên được phê duyệt trong nhiều năm (các nhiệm vụ khoa học công nghệ, môi trường ,...) nhưng được phân kỳ theo từng năm, để có cơ sở bố trí dự toán hàng năm.  Do đó, nội dung vướng mắc Bộ TTTT nêu ra: “Theo quy định của Luật NSNN không có cơ chế giao dự toán trên 1 năm đến 5 năm mà chỉ thực hiện theo niên độ ngân sách 01 năm. Do đó, việc lập và phê duyệt đối với nhiệm vụ thuê dịch vụ CNTT với thời hạn trên 01 năm đến 05 năm không có cơ sở thực hiện” là chưa đúng.  - Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định về quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước  - Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 mới được ban hành, có hiệu lực từ 2024 cũng đã quy định tại Điều 39 về nguồn vốn trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo”.  Theo đó, trường hợp có vướng mắc về thuê dịch vụ công nghệ thông tin thì đề nghị Bộ TTTT sửa đổi các nội dung vướng mắc tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; còn vướng mắc về đấu thầu mua sắm và thời gian gian thực hiện dịch vụ thì giao Bộ KH&ĐT hướng dẫn cho phù hợp. | Tiếp thu. Đã bỏ vấn đề này. |
| 4 | Vấn đề 12: Về rà soát các văn bản quy định liên quan đến chi ứng dụng công nghệ thông tin.  “*b) Phương án đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc ban hành hướng dẫn chi sự nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số*”  Đề nghị bỏ phương án đề xuất này và giao Bộ TTTT quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP cho phù hợp, do:  (1) Quy định của Luật NSNN năm 2015:  - Khoản 10 Điều 8: “*Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn NSNN phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan*”.  - Khoản 2 Điều 42:  “*2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:*  *c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định*”.  (2) Quy định chuyên ngành về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin  - Theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (Đầu tư cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin): “*1. Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin*”.  - Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “*Kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển chi thường xuyên)*”.  - Theo quy định tại Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019  “*1. Nghị định này quy định quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sau đây:*  *a) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN;*  *b) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước*”.  - Khoản 1 và khoản 6 Điều 59 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định:  *1. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn Ngân sách nhà nước.*  *6. Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát hệ thống định mức thuộc thẩm quyền quản lý; sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn, tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.*  - Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; trong đó khoản 2, khoản 3 Điều 24:  “*2. Kinh phí đầu tư cho an toàn thông tin sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của**[Luật đầu tư công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2014-238646.aspx" \t "_blank).*  *3. Kinh phí thực hiện giám sát, đánh giá, quản lý rủi ro an toàn thông tin; đào tạo ngắn hạn, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, diễn tập an toàn thông tin và ứng cứu sự cố của cơ quan, tổ chức nhà nước được cân đối bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức nhà nước đó theo phân cấp của**NSNN*”.  Theo đó, quy định về chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ TTTT là cơ quan quản lý chuyên ngành lĩnh vực công nghệ thông tin cần rà soát và quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên NSNN cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; hồ sơ, tài liệu kèm theo gắn với quy định chuyên ngành về công nghệ thông tin khi lập, phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Đề nghị không giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi sự nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số; tránh chồng chéo, mâu thuẫn. | Tiếp thu. Sửa theo hướng Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng văn bản ban hành hướng dẫn mức chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số. |
| 5 | Vấn đề 4: Về kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì sản phẩm của dự án sau đầu tư  Như đã có ý kiến đối với vấn đề 12, mục II.1: Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý chuyên ngành lĩnh vực công nghệ thông tin cần rà soát và quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên NSNN cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; hồ sơ, tài liệu kèm theo gắn với quy định chuyên ngành về công nghệ thông tin khi lập, phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.  Do vậy, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền quy định về kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì sản phẩm của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sau đầu tư tại Nghị định sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Đồng thời bỏ nhiệm vụ: *Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về kinh phí duy trì, vận hành, bảo trì sản phẩm của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sau đầu tư.* | Bảo lưu. Lý do:  Tại Văn bản số 12326/BTC-HCSN ngày 13/11/2023 của Bộ Tài chính về việc báo cáo nhu cầu kinh phí khai thác, vận hành, duy tu, bảo dưỡng tài sản công là hệ thống thiết bị CNTT được đầu tư mua sắm thuộc Chương trình Chuyển đổi số, Bộ Tài chính có ý kiến: *trường hợp các khoản chi phí do Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất (duy trì, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, … hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số kết quả của các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo) là kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên, thì thực hiện theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg. Trường hợp, Bộ Thông tin và Truyền thông thấy nếu cần thiết phải quy định cụ thể kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên cho lĩnh vực CNTT, thì đề nghị tổng hợp để quy định trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP cho phù hợp*.  Tuy nhiên, vấn đề xuất phát từ Nghị quết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15), tiếp đó là Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg quy định **các khoản chi thanh toán chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn nằm trong định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế.** Công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn ở đây bao gồm các hệ thống, phần mềm, tài sản công nghệ thông tin.  Như vậy, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP không thể sửa đổi Nghị quyết của UBTVQH. |
| 6 | Tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về Quản lý thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong đó quy định việc quản lý theo các mức kinh phí (dưới 200 triệu đồng; từ 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng; trên 15 tỷ đồng).  Tại tiết l khoản 10 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/10/2020 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định về các nội dung sử dụng vốn đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: *"l) Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;"*  Theo đó, có sự chồng chéo giữa quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền Thông rà soát, đánh giá để có cơ sở sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | Bảo lưu.  Nội dung vấn đề này đã được Bộ Tài chính chủ trì xử lý và có Tờ trình số 248/TTr-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 liên quan đến nhiệm vụ nâng cấp, cải tạo, mở rộng, mua sắm, sửa chữa tài sản công. |
| 7 | Đề nghị Bộ TTTT rà soát các chính sách, Chương trình, Đề án về ứng dụng công nghệ thông tin để sửa đổi, bổ sung, thay thế tạo ra sự đồng bộ trong quản lý lĩnh vực, tránh tình trạng nhiều chính sách, dàn trải; khẩn trương xây dựng hồ sơ Nghị định lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và trình Chính phủ phê duyệt để tháo gỡ các vướng mắc hiện nay. | Tiếp thu. Bộ TTTT đang hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, trình Chính phủ. |
| 8 | Tại điểm b, khoản 2, Điều 19, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP có quy định: Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án *trước khi nghiệm thu bàn giao* (nếu có). Trên thực tế, một số dự án CNTT có mua giải pháp/sản phẩm của các hãng, đi kèm với giải pháp/sản phẩm là dịch vụ hỗ trợ chính hãng (có trường hợp dịch vụ này là bắt buộc phải mua kèm với giải pháp theo chính sách của hãng) để đảm bảo cho sản phẩm của dự án được vận hành ổn định, liên tục. Thời gian dịch vụ hỗ trợ này sẽ thực hiện sau khi dự án được nghiệm thu bàn giao (giai đoạn đưa sản phẩm của dự án vào khai thác, sử dụng). Tuy nhiên, với quy định nêu trên gặp vướng mắc khi triển khai, vì vậy đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP. | Bảo lưu.  Theo quy định tại Luật Đầu tư công (Điều 30, Điều 44), chi phí vận hành là chi phí trong giai đoạn khai thác dự án và không thuộc phạm vi vốn thực hiện dự án (Điều 54).  Đồng thời, khoản 3 Điều 81 Luật Đầu tư công cũng đã quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính *”Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ quan tài chính của địa phương cân đối kinh phí thường xuyên để thanh toán các chi phí lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt quyết định đầu tư chương trình và bảo trì, vận hành dự án đưa vào sử dụng”.*  Như vậy, các chi phí thuộc giai đoạn đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng, bao gồm chi phí cho dịch vụ hỗ trợ của hãng thực hiện sau khi dự án được nghiệm thu, bàn giao không thuộc chi phí trong tổng mức đầu tư dự án. |